

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI
HÀNG KHÔNG CAM RANH**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 25

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Hàng không Cam Ranh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 từ trang 5 đến trang 25 kèm theo.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong suốt năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hồ Minh Tiến	Chủ tịch
Ông Lê Văn Lân	Thành viên
Ông Đồng Lương Sơn	Thành viên
Ông Lương Văn Thành	Thành viên
Bà Phan Cẩm Tú	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Cao Thị Anh Thư	Trưởng ban
Bà Lê Thị Ngọc Hà	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Văn Lân	Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Hiếu	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP)

Hội đồng Quản trị xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị,

Hồ Minh Tiến
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Khánh Hòa, ngày 21 tháng 01 năm 2013

Số. /2013/UHYHCM-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại Hàng không Cam Ranh
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Thương mại Hàng không Cam Ranh

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty Cổ phần Thương mại Hàng không Cam Ranh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các Báo cáo tài chính của Công ty được lập ngày 21/01/2013, trình bày từ trang 5 đến trang 25 kèm theo.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Hội đồng Quản trị từ trang 2 đến trang 3, Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại Hàng không Cam Ranh tại ngày 31/12/2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Phan Thanh Điền
Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1496/KTV
Thay mặt và đại diện cho

Tô Thị Thanh Nga
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1183/KTV

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 01 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2012

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2012 VND	Tại 01/01/2012 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.274.561.116	5.060.138.337
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	2.461.542.334	3.243.382.101
Tiền	111		1.961.542.334	1.043.382.101
Các khoản tương đương tiền	112		500.000.000	2.200.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		877.162.800	764.553.591
Phải thu khách hàng	131	5	699.317.000	588.915.991
Trả trước cho người bán	132	6	9.500.000	11.000.000
Các khoản phải thu khác	135	7	168.345.800	164.637.600
Hàng tồn kho	140		810.727.218	686.901.623
Hàng tồn kho	141	8	810.727.218	686.901.623
Tài sản ngắn hạn khác	150		125.128.764	365.301.022
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	365.301.022
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		119.128.764	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		6.000.000	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		17.959.291.798	15.504.780.255
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		17.787.114.426	14.800.636.432
Tài sản cố định hữu hình	221	10	17.785.828.722	14.792.493.580
- Nguyên giá	222		28.081.871.403	21.869.998.681
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.296.042.681)	(7.077.505.101)
Tài sản cố định vô hình	227	9	1.285.704	8.142.852
- Nguyên giá	228		20.000.000	20.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(18.714.296)	(11.857.148)
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		172.177.372	704.143.823
Chi phí trả trước dài hạn	261		-	704.143.823
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		172.177.372	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		22.233.852.914	20.564.918.592

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2012

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		6.285.914.949	7.668.213.074
Nợ ngắn hạn	310		5.050.204.726	6.675.989.547
Phải trả người bán	312	11	2.535.991.756	2.197.332.919
Người mua trả tiền trước	313	12	2.640.000	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	342.622.154	1.528.504.505
Phải trả người lao động	315		1.641.552.453	1.439.153.055
Chi phí phải trả	316	14	43.772.727	31.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	310.771.371	1.472.867.123
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		172.854.265	7.131.945
Nợ dài hạn	330		1.235.710.223	992.223.527
Phải trả dài hạn khác	333	16	1.008.000.000	888.000.000
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		227.710.223	104.223.527
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		15.947.937.965	12.896.705.518
Vốn chủ sở hữu	410	17	15.947.937.965	12.896.705.518
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		10.000.000.000	10.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		95.000.000	95.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	413		416.894.111	416.894.111
Quỹ đầu tư phát triển	417		288.135.624	-
Quỹ dự phòng tài chính	418		205.811.160	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		4.942.097.070	2.384.811.407
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		22.233.852.914	20.564.918.592

Hồ Minh Tiến
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Khánh Hòa, ngày 21 tháng 01 năm 2013

Lê Văn Lân
Giám đốc

Đỗ Hữu Ánh Liên
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	60.935.197.479	43.461.717.839
Các khoản giảm trừ doanh thu	03	18	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	18	60.935.197.479	43.461.717.839
Giá vốn hàng bán	11	19	44.919.547.985	31.824.627.737
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.015.649.494	11.637.090.102
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	181.423.014	168.470.136
Chi phí tài chính	22	21	129.158.706	289.211.411
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>23</i>		<i>128.808.246</i>	<i>289.211.411</i>
Chi phí bán hàng	24	22	4.671.412.110	3.140.685.964
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	23	4.159.480.381	2.889.157.591
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.237.021.311	5.486.505.272
Thu nhập khác	31	24	28.469.145	77.283.336
Chi phí khác	32		3.495.000	1.891.000
Lợi nhuận khác	40		24.974.145	75.392.336
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.261.995.456	5.561.897.608
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	1.462.631.364	1.390.474.402
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	25	(172.177.372)	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.971.541.464	4.171.423.206

Hồ Minh Tiên
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Khánh Hòa, ngày 21 tháng 01 năm 2013

Lê Văn Lâm
Giám đốc

Đỗ Hữu Ánh Liên
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		66.704.461.665	46.879.460.202
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(34.400.943.785)	(23.812.526.597)
Tiền chi trả cho người lao động	3		(14.451.377.420)	(9.375.736.910)
Tiền chi trả lãi vay	4		(128.808.246)	(289.211.411)
Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	5		(2.972.234.531)	(506.340.750)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		713.550.055	839.217.928
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(8.696.762.661)	(5.505.144.277)
	20		6.767.885.077	8.229.718.185
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh				
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6.227.697.858)	(739.817.273)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		181.423.014	147.540.898
	30		(6.046.274.844)	(592.276.375)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		3.205.645.171	
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(3.205.645.171)	(4.264.280.539)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.503.450.000)	(2.761.000.000)
	40		(1.503.450.000)	(7.025.280.539)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(781.839.767)	612.161.271
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	3.243.382.101	2.631.220.830
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	2.461.542.334	3.243.382.101

Hồ Minh Tiến
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Khánh Hòa, ngày 21 tháng 01 năm 2013

Lê Văn Lân
Giám đốc

Đỗ Hữu Ánh Liên
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Thương mại Hàng không Cam Ranh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4200810665 ngày 14/01/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 05 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 12/07/2012.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng), được chia thành 1.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, được góp vốn bởi các cổ đông sau:

Chủ sở hữu	Theo đăng ký kinh doanh	
	Vốn điều lệ VND	Tỷ lệ %
Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	5.100.000.000	51,00%
Công ty Cổ phần Yasaka Sài Gòn Nha Trang	1.000.000.000	10,00%
Vốn góp của các đối tượng khác	3.900.000.000	39,00%
Cộng	10.000.000.000	100,00%

Công ty có trụ sở chính đặt tại Sân bay Nha Trang, số 86 đường Trần Phú, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Vận chuyển hành khách bằng xe buýt và taxi. Dịch vụ vận chuyển khách du lịch;
- Kinh doanh ăn uống giải khát;
- Bán hàng lưu niệm; quảng cáo
- Khách sạn, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Đại lý bán vé máy bay, dịch vụ làm thủ tục đăng ký chuyển bay cho hành khách, giao nhận hàng hóa;
- Kinh doanh tour du lịch nội địa và quốc tế, đại lý lữ hành;
- Gia công cơ khí;
- Dịch vụ vệ sinh công nghiệp;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Hình thức kế toán Công ty đang áp dụng là hình thức chứng từ ghi sổ

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này.

3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2012 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2011.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***3.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 15
Máy móc thiết bị	3
Phương tiện vận tải truyền dẫn	8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị phần mềm kế toán và được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

3.7 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng:

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Doanh thu tài chính:

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3.8 THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21/08/2012 của Bộ tài chính về việc “*hướng dẫn Nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 30/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 29/2012/QH13 của Quốc hội về ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân*”, theo đó, Công ty thuộc diện doanh nghiệp nhỏ và vừa nên được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2012.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	255.241.298	7.127.660
Tiền gửi ngân hàng	1.706.301.036	1.036.254.441
Các khoản tương đương tiền (*)	500.000.000	2.200.000.000
Cộng	2.461.542.334	3.243.382.101

(*) Là khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải.

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Công ty Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh	-	258.826.000
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	318.808.000	303.936.000
Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh-Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	365.099.000	-
Khác	15.410.000	26.153.991
Cộng	699.317.000	588.915.991

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Công ty TNHH Tin học TH Nha Trang	9.500.000	-
Công ty TNHH Thanh Hải I	-	10.000.000
Đối tượng khác	-	1.000.000
Cộng	9.500.000	11.000.000

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Phải thu tài xế taxi	168.345.800	164.637.600
Cộng	168.345.800	164.637.600

8. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	133.590.664	128.918.537
Công cụ, dụng cụ	28.403.917	23.041.993
Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho	810.727.218	686.901.623

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Là phần mềm kế toán và được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ, quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Tại ngày 01/01/2012	1.612.135.049	391.513.060	19.604.108.669	262.241.903	21.869.998.681
- Mua trong năm	-	13.800.000	6.138.045.450	60.027.272	6.211.872.722
Tại ngày 31/12/2012	<u>1.612.135.049</u>	<u>405.313.060</u>	<u>25.742.154.119</u>	<u>322.269.175</u>	<u>28.081.871.403</u>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2012	190.305.452	325.815.868	6.438.262.932	123.120.849	7.077.505.101
- Khấu hao trong năm	110.585.748	65.697.192	2.962.335.036	79.919.604	3.218.537.580
Tại ngày 31/12/2012	<u>300.891.200</u>	<u>391.513.060</u>	<u>9.400.597.968</u>	<u>203.040.453</u>	<u>10.296.042.681</u>
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình					
Tại ngày 01/01/2012	<u>1.421.829.597</u>	<u>65.697.192</u>	<u>13.165.845.737</u>	<u>139.121.054</u>	<u>14.792.493.580</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>1.311.243.849</u>	<u>13.800.000</u>	<u>16.341.556.151</u>	<u>119.228.722</u>	<u>17.785.828.722</u>

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 501.851.326 VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh	457.766.476	351.585.567
Công ty TNHH Thanh Hoa	162.621.400	-
Nguyễn Tấn Quảng	219.844.500	166.602.700
Công ty Xăng dầu Quân đội Khu vực 3	141.688.800	36.088.540
DNTN Sao Mai Em	72.847.700	85.502.100
Phan Chí Thành	58.500.000	45.750.000
CT TNHH Nhà Nước MTV Yên Sào Khánh Hòa	59.346.595	73.536.650
Nguyễn Thị Hữu Tuyết	57.998.000	64.409.000
Nguyễn Thị Hồng Thắm	122.457.400	64.318.000
Nguyễn Văn Quyền	86.298.500	-
Công Ty Cổ phần Du lịch Thương mại Nha Trang	95.052.000	-
Công ty Cổ phần Cà phê Mê Trang	75.605.000	-
Doanh nghiệp Tư Nhân Thương Mại Letimo	73.625.530	-
Công ty TNHH MTV Thương mại rượu Hà Nội	14.166.240	65.501.040
Công ty CP Kỹ Thuật Viễn Thông Hoàng Gia	24.373.250	487.465.000
Các đối tượng khác	813.800.365	756.574.322
Cộng	2.535.991.756	2.197.332.919

12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

Là khoản ứng trước của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Du lịch và Sự kiện Phương Đông.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Thuế GTGT	324.860.502	122.445.526
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.390.474.402
Thuế thu nhập cá nhân	17.761.652	15.584.577
Cộng	342.622.154	1.528.504.505

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Trích trước phí kiểm toán	27.272.727	25.000.000
Trích trước chi phí quản lý công ty đại chúng 2012	10.000.000	-
Trích trước tiền điện thoại	6.500.000	6.000.000
Cộng	43.772.727	31.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	259.354.669	144.329.962
Bảo hiểm xã hội	-	31.064.400
Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	-	1.020.000.000
Công ty Cổ phần Yasaka Sài Gòn Nha Trang	-	200.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	14.700.000	14.700.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	24.716.702	35.172.761
Thù lao hội đồng quản trị và ban kiểm soát	12.000.000	27.600.000
Cộng	310.771.371	1.472.867.123

16. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược của người lao động là tài xế lái xe taxi.

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Chủ sở hữu	Theo đăng ký kinh doanh		Đã góp đến 31/12/2012 VND
	Vốn điều lệ	Tỷ lệ	
	VND	%	
Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam	5.100.000.000	51,00%	5.100.000.000
Công ty Cổ phần Yasaka Sài Gòn - Nha Trang	1.000.000.000	10,00%	1.000.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	3.900.000.000	39,00%	3.900.000.000
Cộng	10.000.000.000	100,00%	10.000.000.000

17.2 CỔ PHIẾU

	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	1.000.000	1.000.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	1.000.000	1.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.000.000	1.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.000.000	1.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.000.000	1.000.000
Mệnh giá cổ phiếu:	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

17.3 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2011	10.000.000.000	95.000.000	-	31.482.099	22.487.214	3.079.381.530	13.228.350.843
- Tăng vốn trong năm					-	-	-
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	4.171.423.206	4.171.423.206
- Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2010,2011	-	-	-	-	-	(4.000.000.000)	(4.000.000.000)
Trích quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	211.706.132	151.218.666	(362.924.798)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(302.437.332)	(302.437.332)
Trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	-	-	-	-	(90.731.199)	(90.731.199)
Thù lao hội đồng quản trị, ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(109.900.000)	(109.900.000)
Chuyển nguồn để mua sắm TSCĐ	-	-	416.894.111	(243.188.231)	(173.705.880)	-	-
Tại ngày 31/12/2011	10.000.000.000	95.000.000	416.894.111	-	-	2.384.811.407	12.896.705.518
Tại ngày 01/01/2012	10.000.000.000	95.000.000	416.894.111	-	-	2.384.811.407	12.896.705.518
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	5.971.541.463	5.971.541.463
- Trích quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	288.135.624	205.811.160	(493.946.784)	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(411.622.320)	(411.622.320)
- Trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	-	-	-	-	(123.486.696)	(123.486.696)
- Thù lao hội đồng quản trị, ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(55.200.000)	(55.200.000)
- Chia Cổ tức năm 2011	-	-	-	-	-	(1.355.000.000)	(1.355.000.000)
- Chia Cổ tức năm 2012	-	-	-	-	-	(975.000.000)	(975.000.000)
Tại ngày 31/12/2012	10.000.000.000	95.000.000	416.894.111	288.135.624	205.811.160	4.942.097.070	15.947.937.965

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	60.935.197.479	43.461.717.839
Trong đó:		
+ Doanh thu dịch vụ taxi	23.062.951.915	17.545.123.987
+ Doanh thu dịch vụ nhà hàng	10.801.838.450	8.024.999.340
+ Doanh thu bán hàng lưu niệm, mỹ nghệ	21.395.106.228	13.158.305.420
+ Doanh thu dịch vụ phòng VIP	3.651.409.066	3.574.663.636
+ Doanh thu bus	2.023.891.820	1.158.625.456
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	60.935.197.479	43.461.717.839
Trong đó:		
+ Doanh thu thuần dịch vụ taxi	23.062.951.915	17.545.123.987
+ Doanh thu thuần dịch vụ nhà hàng	10.801.838.450	8.024.999.340
+ Doanh thu thuần bán hàng lưu niệm, mỹ nghệ	21.395.106.228	13.158.305.420
+ Doanh thu thuần dịch vụ phòng VIP	3.651.409.066	3.574.663.636
+ Doanh thu thuần bus	2.023.891.820	1.158.625.456

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn dịch vụ taxi	19.517.425.312	14.552.584.195
Giá vốn dịch vụ nhà hàng	9.618.177.645	6.721.368.154
Giá vốn bán hàng lưu niệm, mỹ nghệ	11.837.349.481	7.504.792.011
Giá vốn dịch vụ phòng VIP	2.215.567.662	2.182.214.170
Giá vốn dịch vụ bus	1.731.027.885	863.669.207
Cộng	44.919.547.985	31.824.627.737

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi	173.604.104	168.470.136
Hoa hồng đại lý thu đổi ngoại tệ	7.818.910	-
Cộng	181.423.014	168.470.136

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền vay	128.808.246	289.211.411
Lỗ do bán ngoại tệ	350.460	-
Cộng	129.158.706	289.211.411

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nhân viên	2.704.205.148	1.569.459.199
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	366.198.452	228.789.044
Chi phí khấu hao TSCĐ	40.877.274	27.251.513
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.018.297.236	844.034.482
Chi phí bằng tiền khác	541.834.000	471.151.726
Cộng	4.671.412.110	3.140.685.964

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nhân viên quản lý doanh nghiệp	3.214.173.946	1.978.942.267
Chi phí đồ dùng văn phòng	157.517.831	186.264.709
Chi phí khấu hao TSCĐ	31.678.485	36.075.576
Thuế, phí và lệ phí	36.098.555	22.244.619
Chi phí dịch vụ mua ngoài	141.911.469	118.369.953
Chi phí bằng tiền khác	578.100.095	547.260.467
Cộng	4.159.480.381	2.889.157.591

24. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tiền phạt lái xe vi phạm quy chế	18.574.000	50.558.830
Tiền bồi thường	1.395.000	5.150.000
Thu nhập khác	8.500.145	21.574.506
Cộng	28.469.145	77.283.336

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	7.261.995.456	5.561.897.608
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế	705.209.489	-
- Chi phí tài trợ chương trình giao lưu nghệ thuật	16.500.000	-
- Chi phí phân bổ vượt năm 2012	688.709.489	-
Tổng thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	7.967.204.945	5.561.897.608
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất hiện hành	1.991.801.236	1.390.474.402
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 30% trong năm theo thông tư 140/2012/TT-BTC</i>	<i>(529.169.872)</i>	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sau miễn giảm	1.462.631.364	1.390.474.402
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(172.177.372)	-
Ảnh hưởng từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	<i>(172.177.372)</i>	-
Cộng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	1.290.453.992	1.390.474.402

26. THÔNG TIN KHÁC

26.1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Theo đó, bên liên quan của Công ty là Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam, các Công ty con, công ty công ty liên kết và liên doanh của Tổng Công ty Cảng hàng Không Việt Nam; Công ty Cổ phần Yasaka Sài Gòn Nha Trang. Trong năm 2012, các nghiệp vụ và số dư của Công ty với các bên liên quan cụ thể như sau:

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu với các bên liên quan	2.868.708.182	3.839.912.423
Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh	2.868.708.182	3.718.556.363
- Công ty Cổ phần Nha Trang Taxi	-	121.356.060
Mua hàng từ các bên liên quan	4.045.793.063	3.016.077.197
Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh	4.003.398.517	2.985.168.106
Công ty Cổ phần Yasaka Sài Gòn Nha Trang	42.394.545	-
- Công ty Cổ phần Nha Trang Taxi	-	30.909.091
Cổ tức đã trả cho các bên liên quan	1.911.050.000	2.020.000.000
- Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	1.711.050.000	1.020.000.000
- Công ty Cổ phần Nha Trang Taxi	-	800.000.000
- Công ty Cổ phần Yasaka Sài Gòn Nha Trang	200.000.000	200.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

26. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

26.1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Số dư với các bên liên quan

	Tại 31/12/2012	Tại 31/12/2011
	VND	VND
Phải thu khách hàng	365.099.000	258.826.000
- Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh - Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	365.099.000	258.826.000
Phải trả cho người bán	457.766.476	351.585.567
- Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh - Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	457.766.476	351.585.567
- Công ty CP TM Hàng không Miền Nam	36.000.000	-
Các khoản phải trả khác	-	1.020.000.000
- Tổng Công ty Cảng Hàng không Miền Trung	-	1.020.000.000
- Công ty Cổ phần Yasaka Sài Gòn Nha Trang	-	200.000.000

26.2. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động theo lĩnh vực của Công ty gồm: lĩnh vực taxi, dịch vụ nhà hàng, kinh doanh bán hàng lưu niệm, mỹ nghệ, dịch vụ phòng VIP và dịch vụ chở khách bằng xe bus.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh tại Việt Nam. Vì vậy, Công ty xác định không có sự khác biệt về khu vực địa lý cho toàn bộ các hoạt động của Công ty.

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế Thu nhập doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Năm 2012	Dịch vụ taxi	Dịch vụ nhà hàng	Bán hàng lưu niệm, mỹ nghệ	Dịch vụ phòng VIP	Dịch vụ bus	Cộng
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	23.062.951.915	10.801.838.450	21.395.106.228	3.651.409.066	2.023.891.820	60.935.197.479
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.062.951.915	10.801.838.450	21.395.106.228	3.651.409.066	2.023.891.820	60.935.197.479
Chi phí bộ phận	19.517.425.312	9.618.177.645	11.837.349.481	2.215.567.662	1.731.027.885	44.919.547.985
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	3.545.526.603	1.183.660.805	9.557.756.747	1.435.841.404	292.863.935	16.015.649.494
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(8.830.892.491)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						7.184.757.003
Doanh thu hoạt động tài chính						181.423.014
Chi phí tài chính						(129.158.706)
Thu nhập khác						28.469.145
Chi phí khác						(3.495.000)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(1.462.631.364)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						172.177.372
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						5.971.541.464
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-	-	-	-
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	3.495.416.830	272.729.646	34.783.417	18.641.488	158.759.758	3.980.331.139
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

26. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

26.3. THÔNG TIN VỀ CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

26.3.1. GIÁ TRỊ HỢP LÝ CỦA TÀI SẢN VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý: giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.461.542.334	3.243.382.101	2.461.542.334	3.243.382.101
Phải thu khách hàng	699.317.000	588.915.991	699.317.000	588.915.991
Trả trước cho người bán	9.500.000	11.000.000	9.500.000	11.000.000
Các khoản phải thu khác	168.345.800	164.637.600	168.345.800	164.637.600
Cộng	3.338.705.134	4.007.935.692	3.338.705.134	4.007.935.692
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	2.535.991.756	2.197.332.919	2.535.991.756	2.197.332.919
Người mua trả tiền trước	2.640.000	-	2.640.000	-
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người lao động	1.641.552.453	1.439.153.055	1.641.552.453	1.439.153.055
Chi phí phải trả	43.772.727	31.000.000	43.772.727	31.000.000
Các khoản phải trả khác	310.771.371	1.472.867.123	310.771.371	1.472.867.123
Cộng	4.534.728.307	5.140.353.097	4.534.728.307	5.140.353.097

26.3.2. TÀI SẢN ĐẢM BẢO

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Trong kỳ, Công ty không sử dụng tài sản tài chính để thế chấp.

Tài sản nhận thế chấp của các đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31/12/2012

26.3.3. RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty chỉ có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

26. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

26.3. THÔNG TIN VỀ CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

26.3.3. RỦI RO TÍN DỤNG (TIẾP)

Tiền gửi ngân hàng

Công ty có số dư tiền gửi với các tổ chức tín dụng trong nước. Ban Giám đốc không nhận thấy một khoản thiệt hại nào đối với kết quả hoạt động của các tổ chức tín dụng này. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó được trình bày trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

26.3.4. RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Tại 31/12/2012	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến dưới 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Phải trả cho người bán	2.535.991.756	-	-	2.535.991.756
Người mua trả tiền trước	2.640.000	-	-	2.640.000
Phải trả người lao động	1.641.552.453	-	-	1.641.552.453
Chi phí phải trả	43.772.727	-	-	43.772.727
Các khoản phải trả khác	310.771.371	-	-	310.771.371
Cộng	4.534.728.307	-	-	4.534.728.307

26.3.5. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

Rủi ro tiền tệ

Công ty không chịu rủi ro tiền tệ do Công ty không có các giao dịch mua bán bằng các đồng tiền tệ không phải là đồng Việt Nam.

Rủi ro lãi suất

Công ty không chịu rủi ro lãi suất do Công ty không có các khoản vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

26. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

26.3. THÔNG TIN VỀ CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

26.3.5. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (TIẾP)

Rủi ro giá

Công ty không chịu rủi ro về giá lớn do Công ty không có các khoản đầu tư vốn vào các Công ty khác đang niêm yết trên thị trường. Mức rủi ro về giá mà Công ty chịu ảnh hưởng là giá mua của các khoản chi phí đầu vào cấu thành nên giá vốn của Công ty.

26.4. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011 của Công ty đã được kiểm toán.

Hồ Minh Tiến
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Khánh Hòa, ngày 21 tháng 01 năm 2013

Lê Văn Lân
Giám đốc

Đỗ Hữu Ánh Liên
Kế toán trưởng